

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 237A /2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Sử

2. Ông Hoàng Văn Hào

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Đạt

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: xóm 01, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn G - sinh năm 1983

Nơi cư trú: xóm 01, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Nguyễn Văn G đăng ký kết hôn ngày 09/7/2007 tại UBND xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự

nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường. Đến từ năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh G thường đánh đập chị T, nhiều lần đuổi chị T ra khỏi nhà, vì các con chị T đã nhần nhẹn, khổ tâm nhiều năm, tuy nhiên bản tính anh G không thay đổi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn G

- Về nuôi con chung: giữa chị G và anh T có 03 con chung là Nguyễn Văn Nam, sinh ngày 18/10/2007; Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 05/02/2013; Nguyễn Văn Lê Hà, sinh ngày 30/7/2020. Hai vợ chồng thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn Lê Hà cho chị T nuôi dưỡng, anh G nuôi dưỡng Nguyễn Văn Anh; cháu Nguyễn Văn Nam và hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau

- Về tài sản chung:

Chị T, anh G có các tài sản chung sau: 01 ngôi nhà cấp 4; 01 mái tôn; 01 hàng rào xây dựng bao quang khu đất; 01 sân xi măng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 ; 01 xe máy nhãn hiệu Wawe ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076. Ngoài ra còn một số tài sản khác hiện không có giá trị chị T không yêu cầu

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu chia đôi số tài sản chung, nếu nhận tiền chị yêu cầu anh Nguyễn Văn G trích cho chị 85.000.000đồng, chị sẽ giao toàn bộ tài sản trên đất cho anh G

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai, không ai nợ vợ chồng

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh đồng ý với chị T về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh G đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T

Về con chung: anh G thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn

Về tài sản chung và nợ chung: anh G thống nhất các tài sản trên đất như lời trình bày của nguyên đơn, tuy nhiên anh G không chấp nhận yêu cầu của chị T về việc anh phải trích cho chị 85.000.000đồng và yêu cầu Tòa án chi đôi tài sản chung theo pháp luật

Kết quả định giá ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tổng các tài sản chung của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G là 71.050.000đồng ( bảy mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)

Chi phí định giá hết 4000.000đồng, bị đơn anh Nguyễn Văn G đã đóng đầy đủ

### **Tại phiên Tòa**

Nguyên đơn đồng ý nhận các tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Wawe ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076 có giá trị 4000.000đồng; 01 mái tôn tráng kẽm, diện tích 50m2 giá 9.250.000đồng; tổng tài sản chị T nhận là 13.250.000đồng. Ngoài ra chị Nguyễn Thị T yêu cầu chia đôi bằng hiện vật 01 ngôi nhà cấp 4 bằng gạch táp lô là tài sản chung của hai vợ chồng, không đồng ý giao nhà cho anh G

Bị đơn đồng ý nhận các tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 có giá 8.500.000đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch táp lô có giá trị 32.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách gỗ thịt có giá 3.500.000đồng; 01 sân xi măng có giá 1.300.000đồng; 01 hàng rào xây bao chiều dài 65 mét có giá 13.000.000đồng; tổng tài sản anh G nhận là 57.800.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn G; giao con chung Nguyễn Văn Nam, sinh ngày 18/10/2007; cháu Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn Lê Hà, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Giao cho chị Nguyễn Thị T 01 xe máy nhãn hiệu Wawe ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076 có giá trị 4000.000đồng; 01 mái tôn tráng kẽm, diện tích 50m2 giá 9.250.000đồng; tổng tài sản chị T nhận là 13.250.000đồng; Giao cho anh Nguyễn Văn G 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 có giá 8.500.000đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch táp lô có giá trị 32.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách gỗ thịt có giá 3.500.000đồng; 01 sân xi măng có giá 1.300.000đồng; 01 hàng rào xây bao chiều dài 65 mét có giá 13.000.000đồng; tổng tài sản anh G nhận là 57.800.000đồng. Anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm trích phần chênh lệch cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 22.275.000đồng (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Về lệ phí, án phí thực hiện theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và có nơi cư trú tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương. Do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên nguyên đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh G có đăng ký kết hôn, vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, cho đến hôm nay vợ chồng không thể quay về sống chung với nhau được, nên chị T đã làm đơn yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hoà giải để chị T, anh G quay lại đoàn tụ nhưng chị T, anh G xét thấy vợ chồng không đoàn tụ lại được, mâu thuẫn của vợ chồng thực sự trầm trọng, không thể quay trở lại xây dựng hạnh phúc được, tình cảm của chị T đối với anh G đã không còn. Trước Tòa hôm nay, chị T vẫn khẳng định tình cảm giữa chị đối với anh G đã không còn, không thể đoàn tụ được, mâu thuẫn đã quá lớn và chị xin được Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn G. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn G

[2.2]. Về con chung: giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được nuôi con chung, nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con chung Nguyễn Văn Nam, sinh ngày 18/10/2007; cháu Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn Lê Hà, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung

[2.3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung:

Nguyên đơn đồng ý nhận các tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Wawe ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076 có giá trị 4000.000đồng; 01 mái tôn tráng kẽm, giá trị 9.250.000đồng; tổng tài sản chị T nhận là 13.250.000đồng. Ngoài ra chị Nguyễn Thị T yêu cầu chia đôi bằng hiện vật 01 ngôi nhà cấp 4 bằng gạch táp lô là tài sản chung của hai vợ chồng, không đồng ý giao nhà cho anh G

Bị đơn đồng ý nhận các tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 có giá 8.500.000đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch táp lô có giá trị 32.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách gỗ thịt có giá 3.500.000đồng; 01 sân xi măng có giá 1.300.000đồng; 01 hàng rào xây bao chiều dài 65 mét có giá 13.000.000đồng; tổng tài sản anh G nhận là 57.800.000đồng.

HĐXX xét thấy đối với các tài sản các đương sự thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa

thuận của các đương sự, giao cho chị Nguyễn Thị T 01 xe máy nhãn hiệu Wawe ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076 có giá trị 4000.000đồng; 01 mái tôn trắng kẽm, giá trị 9.250.000đồng; tổng tài sản chị T nhận là 13.250.000đồng.

Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 32.000.000đồng là tài sản chung của hai vợ chồng, chị G đòi chia bằng hiện vật, Tuy nhiên HĐXX xét thấy tài sản chung này không thể chia bằng hiện vật được, nếu chia bằng hiện vật sẽ mất giá trị sử dụng, hơn nữa ngôi nhà này nằm trên thửa đất số 751, tờ bản đồ số 20, tại địa chỉ xóm 01, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn G, nên giao ngôi nhà cho anh G là phù hợp. Vì vậy giao cho anh Nguyễn Văn G các tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 có giá 8.500.000đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch táp lô có giá trị 32.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách gỗ thịt có giá 3.500.000đồng; 01 sân xi măng có giá 1.300.000đồng; 01 hàng rào xây bao chiều dài 65 mét có giá 13.000.000đồng; tổng tài sản anh G nhận là 57.800.000đồng. Anh Nguyễn Văn G phải có trách nhiệm trích cho chị Nguyễn Thị T số tiền 22.275.000đồng (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

[3]. Về chi phí định giá, thẩm định, đo vẽ hết 4000.000đồng: mỗi đương sự phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi phí. Anh Nguyễn Văn G đã nộp số tiền này, nên chị T có trách nhiệm trả cho anh G số tiền 2.000.000đồng

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, những đã được trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp tạm ứng tại chi cục thi hành án huyện Đô Lương

Về án phí chia tài sản:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền án phí trên giá trị tài sản chị được hưởng  $35.525.000đ \times 5\% = 1.776.250đ$ ồng.

Anh Nguyễn Văn G phải nộp số tiền án phí trên giá trị tài sản được hưởng  $35.525.000đ \times 5\% = 1.776.250đ$ ồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm b, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 33, 38, 39 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

- Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn G

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Nam, sinh ngày 18/10/2007; cháu Nguyễn Văn Anh, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Nguyễn Văn

G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Anh thành niên đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Văn Lê Hà, sinh ngày 30/7/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Văn Lê Hà đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi các bên có yêu cầu

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Wave ALPHA, đăng ký tháng 12 năm 2004, biển kiểm soát 37L3.2076 có giá trị 4000.000đồng; 01 mái tôn tráng kẽm, có giá trị 9.250.000đồng; tổng tài sản chị T nhận là 13.250.000đồng

Giao cho anh Nguyễn Văn G được quyền sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, đăng ký ngày 06/3/2018, biển kiểm soát 37D1 -843.76 có giá 8.500.000đồng; 01 ngôi nhà cấp 4 xây bằng gạch táp lô có giá trị 32.000.000đồng; 01 bộ bàn ghế tiếp khách gỗ thịt có giá 3.500.000đồng; 01 sân xi măng có giá 1.300.000đồng; 01 hàng rào xây bao chiều dài 65 mét có giá 13.000.000đồng; tổng tài sản anh G nhận là 57.800.000đồng.

Anh Nguyễn Văn G có trách nhiệm trích phần chênh lệch cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 22.275.000đồng (hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa trả hết số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án

Về chi phí định giá, thẩm định, đo vẽ hết 4000.000đồng: mỗi đương sự phải chịu ½ chi phí; Anh Nguyễn Văn G đã nộp số tiền này, nên chị T có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn G số tiền 2.000.000đồng

Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 1.776.250 đồng án phí về giá trị phần tài sản được hưởng, nhưng đã được trừ đi tạm ứng án phí 2.800.000đồng mà chị T đã nộp tại chi cục thi hành án theo biên lai số 0002494 ngày 22/4/2022, Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 723.750 (bảy trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng còn thừa.

Anh Nguyễn Văn G phải chịu 1.776.250 ( một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi) đồng án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Thượng Sơn;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Anh**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Sử    Hoàng Văn Hào**

**Nguyễn Đức Anh**



***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã Thượng Sơn;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Anh**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Sử      Hoàng Văn Hào**

**Nguyễn Đức Anh**